

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁP LÝ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TS. MAI THỊ THANH TÂM

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Bài viết tập trung đánh giá kết quả đạt được cũng như hạn chế, bất cập trong xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp lý phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay; đề xuất các định hướng hoàn thiện thể chế này nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

● **Từ khóa:** Thể chế pháp lý; Nguồn nhân lực; Khoa học và công nghệ; Kỷ nguyên mới.



1. Thực trạng thể chế pháp lý phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay

Phát triển khoa học và công nghệ luôn được xác định “là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”¹. Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định phát triển khoa học, công nghệ là “đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”².

Để phát triển khoa học và công nghệ, cần đặc biệt chú trọng đến yếu tố “nguồn nhân lực” - một trong ba đột phá chiến lược mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Đồng thời, Nghị quyết Đại hội XIII cũng đưa ra quan điểm chỉ đạo: “...bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”³. Để xây dựng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, việc tạo ra một thể chế pháp lý đầy đủ là rất quan trọng. Thể chế pháp lý về phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ được hiểu là tổng thể các

quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm hỗ trợ, thúc đẩy, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, hệ thống thể chế pháp lý về phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ở Việt Nam đã dần được hình thành và hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2022) đã quy định về chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ (Điều 19), quy định về quyền và nghĩa vụ của các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ (Điều 20, 21); đồng thời, quy định các chính sách đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ (Điều 22); chính sách ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ cũng như việc thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài (Điều 23, 24). Sau khi Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 được ban hành và có hiệu lực pháp luật, nhiều nội dung đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12-5-2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 1-3-2020). Bên cạnh đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định về các chế độ, chính sách liên quan đến cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ như: Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 6-11-2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; Thông tư số 05/2023/TT-BKHCN ngày 22-5-2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số nội dung về thu hút, sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ...

Bên cạnh đó, một số đạo luật chuyên ngành cũng được ban hành nhằm tạo hành lang pháp lý cho các giai đoạn khác nhau của quá trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ), hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học (Luật Giáo dục đại học) và một phần hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa)... Các luật này cũng góp phần tạo điều kiện cho các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, được thương mại hóa đối với sản phẩm khoa học và công nghệ.

Nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, ngày 19-2-2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 193/2025/QH15 đã đưa ra những chính sách hỗ trợ, ưu đãi hấp dẫn đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ như: Được tham gia góp vốn, quản lý, điều hành doanh

nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức khoa học và công nghệ đang quản lý mình thành lập hoặc tham gia thành lập nhằm thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ (Điều 3); có cơ chế chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học (Điều 4); chính sách ưu tiên cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế quỹ thông qua các quỹ khoa học và công nghệ của Nhà nước (Điều 5); chính sách ưu đãi thuế cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ (Điều 9)...

Đặc biệt, ngày 27-6-2025, Quốc hội đã ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, có hiệu lực từ ngày 1-10-2025, nhằm khắc phục những “điểm nghẽn” về thể chế phát triển khoa học và công nghệ nói chung, cũng như thể chế về phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ nói riêng. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 đưa ra khái niệm chung về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khắc phục được những hạn chế của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, bảo đảm bao quát đầy đủ hơn nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, không chỉ bao gồm các cá nhân trực tiếp thực hiện mà còn gồm cả các cá nhân quản lý hoặc hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, Luật cũng không quy định cứng nhắc về chức danh khoa học, chức danh công nghệ như trước.

Kế thừa các quy định về cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 tiếp tục ghi nhận các quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

tạo. Bên cạnh đó, Luật cũng thể hiện sự phân loại rõ nét các chính sách ưu đãi đối với từng đối tượng khác nhau như: Tổng công trình sư; nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ; nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng; nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chuyên gia, nhà khoa học trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài. Đó là các chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chính sách ưu tiên trong bổ nhiệm, tuyển dụng, bố trí vị trí việc làm, thu nhập, thuế thu nhập cá nhân, lao động, nhà ở, xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú và cấp giấy phép lao động. Đồng thời, Luật cũng đưa ra các chính sách ưu đãi đối với các cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (Điều 55, 57). Ngoài các chính sách ưu đãi, Luật cũng chú trọng đến các biện pháp khuyến khích về vật chất và tinh thần thông qua việc phong, tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 56).

Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 cũng cho phép viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức thành lập hoặc tham gia thành lập để thương

mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra, khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức hoặc cấp trên trực tiếp đối với các viên chức là người đứng đầu tổ chức.

Các quy định trên của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 đã thể hiện một cam kết mạnh mẽ của Nhà nước trong việc đầu tư vào yếu tố cốt lõi nhất của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đó chính là nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Bằng cách tạo ra một môi trường thuận lợi, hấp dẫn cả về vật chất lẫn tinh thần, Luật này đang đặt nền móng để Việt Nam có thể thu hút, giữ chân và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, từ đó thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và xây dựng nền kinh tế tri thức bền vững.

Thế chế pháp lý phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ nêu trên đã góp phần định hình và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ ở Việt Nam, từ đó, thúc đẩy khoa học và công nghệ phát triển, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đến năm 2021, cả nước có 187.298 người tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển, tập trung nhiều ở các tổ chức giáo dục đại học, chiếm 51,99%, tiếp theo là các tổ chức nghiên cứu và phát triển với 17,85%. Số lượng và trình độ của đội ngũ nhân lực nghiên cứu đã được cải thiện, tỷ lệ nhân lực nghiên cứu có trình độ trên đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) trong tổng số nhân lực nghiên cứu đã tăng từ khoảng 50% (năm 2015) lên gần 57,6% (năm 2021). Trong đó, tỷ lệ nhân lực có trình độ tiến sĩ tăng nhanh từ khoảng 11% lên 15,62%⁴. Số lượng các nhà khoa học của Việt Nam có uy tín, tầm ảnh hưởng trên thế giới cũng ngày càng tăng. Theo danh sách

xếp hạng các nhà khoa học có tầm ảnh hưởng thế giới dựa trên căn cứ khai thác cơ sở dữ liệu Scopus được xây dựng bởi nhóm các nhà khoa học của Đại học Stanford (Mỹ) do Nhà xuất bản Elsevier vừa công bố, Việt Nam có 9 nhà khoa học được xếp hạng trong nhóm 10.000 nhà khoa học thế giới và 60 nhà khoa học được xếp hạng trong nhóm 100.000 nhà khoa học có trích dẫn ảnh hưởng thế giới trong năm 2024⁵.

Hạn chế

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng thể chế pháp lý phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ở Việt Nam thời gian qua vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn, đặc biệt là các yêu cầu về phát triển khoa học và công nghệ trong kỷ nguyên mới.

Một là, chính sách đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ chưa tạo ra bước đột phá mạnh mẽ để xây dựng được đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Chưa có chính sách ưu đãi cụ thể nhằm thúc đẩy đào tạo đối với các ngành khoa học cơ bản và các ngành khoa học kỹ thuật công nghệ then chốt. Chưa có các chính sách hỗ trợ cụ thể để phát huy thế mạnh của các viện nghiên cứu, trường đại học trọng điểm và tập trung nguồn lực cho các tổ chức này.

Hai là, các chính sách ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ chưa đạt hiệu quả như mong muốn, chưa thực sự tạo động lực để khuyến khích các cá nhân tích cực trong các hoạt động khoa học, công nghệ và không đủ sức hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao. Chưa có quy định đặc thù về cơ chế tiền lương, tăng lương, nâng ngạch, bậc đối với nhân lực khoa học

và công nghệ mà vẫn áp dụng theo các quy định chung của công chức, viên chức trong hệ thống quản lý nhà nước, chưa phù hợp với đặc thù của lao động nghiên cứu khoa học. Chính sách ưu đãi đối với các nhà khoa học đầu ngành, mặc dù đã được quy định khá chi tiết, nhưng lại khó thực thi bởi các quy định phức tạp về điều kiện cũng như cách thức được công nhận là nhà khoa học đầu ngành. Trên thực tế, chưa có nhà khoa học nào được xem xét, công nhận và hưởng ưu đãi theo chính sách này. Bên cạnh đó, chưa có những cơ chế cụ thể để triển khai các chính sách ưu đãi thuế, ưu đãi tín dụng.

Ngoài ra, chính sách chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học (loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học) đã được đề cập ở Điều 9, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và Điều 4 Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, song đề có thể áp dụng vào thực tế và phát huy hiệu quả, cần có những văn bản, quy định hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn, như: Quy định về tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận, quy trình đánh giá việc tuân thủ quy trình, quy định trong phê duyệt, quản lý, thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đồng thời, một số chính sách ưu đãi hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp

hoạt động khoa học và công nghệ như: Chính sách ưu tiên sử dụng các trang thiết bị phục vụ trong phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; hưởng ưu đãi về giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp/ khu chế xuất/ khu kinh tế... cũng còn thiếu văn bản, quy định hướng dẫn chi tiết nên việc triển khai trong thực tiễn còn gặp khó khăn.

Các chính sách ưu đãi để thu hút các chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài như: Chính sách xuất nhập cảnh, chính sách tuyển dụng, chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân, chính sách lương, thưởng, chính sách nhà ở... chưa thực sự đủ sức hấp dẫn, thiếu tính cạnh tranh và chưa tương xứng với vị thế của họ.

Ba là, chưa có cơ chế thuận lợi cho việc trao đổi nhân lực nghiên cứu giữa tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động liên kết, chia sẻ thông tin, kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh. Trong khi đó, việc hợp tác giữa đơn vị đào tạo, nghiên cứu với doanh nghiệp được coi là một trong những điểm mấu chốt bảo đảm cho sản phẩm đào tạo, nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn, trải nghiệm và nắm bắt các vấn đề thực tiễn, rèn luyện kỹ năng thực tiễn và tìm hiểu cơ hội việc làm. Ngược lại, thông qua đây, doanh nghiệp cũng có cơ hội nắm bắt nguồn cung về nhân lực, tham gia đào tạo đội ngũ kế cận chuẩn bị cho hoạt động tuyển dụng⁶.

Những hạn chế về thể chế pháp lý nêu trên khiến cho số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ở Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Số lượng các nhà khoa học ít so với thế giới. Về nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo, “năm 2021, Việt Nam đứng thứ 57/91 quốc gia, với

khoảng 780 người/1 triệu dân. Quốc gia có số nhà nghiên cứu trên một triệu dân cao nhất là Hàn Quốc, gấp hơn 10 lần Việt Nam với khoảng 9.087 người/1 triệu dân”⁷. Cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ trí thức còn chưa hợp lý, thiếu hụt chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực quan trọng. Số lượng các bài đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, số lượng các chủ thể nghiên cứu mạnh (các viện, các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, các nhóm nghiên cứu) ngang tầm khu vực và thế giới còn rất hạn chế.

2. Định hướng hoàn thiện thể chế pháp lý phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

Để hoàn thiện thể chế pháp lý phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong thời gian tới, cần tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực (đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao) nói chung và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ nói riêng, đặc biệt là các đường lối, chủ trương trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24-11-2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, tiếp tục cụ thể hóa các quy định về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025. Trong đó, cần tập trung vào các định hướng cơ bản sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa các quy định về quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ như: Quyền được tiếp cận cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quyền được bảo hộ quyền tác giả; quyền được hưởng phần trăm lợi nhuận từ hoạt động thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học; nghĩa vụ trong việc bảo đảm liêm chính học thuật; nghĩa vụ tuân thủ các quy định về đạo đức nghiên cứu, đặc biệt trong các lĩnh vực có ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người...

Hai là, hoàn thiện chính sách đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ. Cần có những quy định rõ ràng nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ thông qua việc đổi mới chương trình đào tạo đại học và sau đại học, bảo đảm đạt chuẩn quốc tế; đồng thời, bảo đảm các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, tạo ra nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao. Hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo (AI) trong đào tạo. Xây dựng và hoàn thiện các nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số.

Xây dựng và hoàn thiện các chính sách ưu tiên đối với nhân lực đào tạo và được đào tạo cho các ngành đào tạo cơ bản (toán học, vật lý, hóa học, sinh học); tập trung ưu đãi cho các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt có khả năng tạo ra các đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ lượng tử, bán dẫn, vi mạch, năng lượng nguyên tử, công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, khoa học vật liệu tiên tiến

và công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học và công nghệ y khoa... Đồng thời, cần có các cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng, học phí thu hút sinh viên, học viên sau đại học đạt loại giỏi hoặc xuất sắc theo học các ngành đào tạo này. Có quy định cụ thể về việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực.

Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và đầu tư nguồn lực để phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và một số cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu trọng điểm thành các chủ thể nghiên cứu mạnh ngang tầm các nước tiên tiến, có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tạo cơ chế thuận lợi để thúc đẩy hợp tác công - tư, trao đổi nhân lực nghiên cứu giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học, bảo đảm việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng tốt nhu cầu của các doanh nghiệp và kết quả các công trình nghiên cứu khoa học có thể ứng dụng nhanh chóng vào thực tiễn, tạo ra giá trị kinh tế cho xã hội.

Có chính sách khuyến khích các hình thức hợp tác quốc tế, liên kết trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho sinh viên, học viên, giảng viên, các nhà khoa học trẻ được tiếp cận với môi trường học tập và nghiên cứu tiên tiến trên thế giới thông qua các hình thức như: Cử đi học tập ở nước ngoài hoặc mời các chuyên gia, nhà khoa học ở các trường đại học uy tín trên thế giới về giảng dạy tại Việt Nam.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa các chính sách ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ. Đổi mới chính sách tiền lương cho các nhà khoa học theo hướng tạo ra cơ chế đặc thù trong chính sách tiền lương, đảm bảo nhà khoa học nhận được mức lương tương xứng với vị trí việc làm gắn với đặc thù hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc tăng lương cần căn cứ vào thành tích khoa học thay vì thâm niên như hiện nay. Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng các chính sách tạo môi trường làm việc (hỗ trợ về trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, cơ hội học tập, môi trường tự do học thuật, thúc đẩy đổi mới sáng tạo...) và các chính sách thi đua, khen thưởng, giải thưởng khoa học, công nghệ nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ.

Bên cạnh các chính sách ưu đãi chung đối với nhân lực khoa học và công nghệ, cần hoàn thiện và cụ thể hóa hơn nữa các cơ chế, chính sách đặc biệt đối với nhân tài, phù hợp với từng đối tượng như: Các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng; các nhà khoa học trẻ tài năng; các nhân tài là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Việt Nam. Đó phải là các chính sách cụ thể, có tính đột phá về thu nhập, nhà ở, môi trường nghiên cứu, cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu hiện đại... Đối với chính sách trọng dụng nhân tài, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc. Từ năm 2008, Chính phủ Trung Quốc đã cho ra đời Chương trình Ngàn Nhân tài (Thousand Talents Plan)⁸ nhằm thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước, các

tài năng trẻ, đặc biệt là các chuyên gia quốc tế hàng đầu từ các trường đại học tốt nhất thế giới. Chương trình có các chính sách ưu đãi đặc biệt, vượt trội đối với các chuyên gia quốc tế như: Được tôn vinh⁹, được hưởng chế độ đãi ngộ cao và đặc quyền thị thực xuất nhập cảnh. Đồng thời, Chương trình cũng chú trọng các chính sách đãi ngộ đối với nhà khoa học trong nước, các tài năng khoa học trẻ như: Cung cấp các giải thưởng có giá trị lớn, hỗ trợ các khoản trợ cấp khởi nghiệp, hỗ trợ chi phí nhà ở, phương tiện đi lại¹⁰... Những chính sách này đã góp phần giúp Trung Quốc trở thành quốc gia dẫn đầu về số lượng nhà khoa học xuất sắc hàng đầu thế giới.

Hoàn thiện, cụ thể hóa các quy định về tính rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học; các

quy định khuyến khích mô hình khoa học mở, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát tạo động lực cho các nhà khoa học không ngừng tìm tòi, nghiên cứu, khám phá các hướng nghiên cứu mới trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Bốn là, tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện các quy định về phát triển nguồn nhân lực đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; đầu tư, tài chính cho khoa học và công nghệ; hạ tầng, thông tin cho khoa học và công nghệ; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ... nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động của nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ■

¹ Quốc hội, *Hiến pháp năm 2013*, Điều 62, khoản 1.

² Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.110.

⁴ Xem: Bộ Khoa học và Công nghệ, *Báo cáo số 4567/BC-BKH-CN ngày 4-12-2023 Tổng kết thi hành Luật Khoa học và Công nghệ*, Hà Nội, tr.4.

⁵ Xem: Phương Liên, *Việt Nam có 9 nhà khoa học được xếp vào nhóm có tầm ảnh hưởng thế giới 2024*, <http://www.baochinhphu.vn>, ngày 23-9-2024.

⁶ Xem: TS. Vương Quốc Thắng, *Gắn kết giáo dục đại học với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - nền tảng phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 5-9-2023.

⁷ Xem: *Đầu tư cho R&D: Sức bật mới cho Việt Nam* (Tiêu điểm của báo Nhân Dân hàng tháng, số tháng 3-2025), <https://nhandan.vn/special/dau-tu-cho-r-d-suc-bat-moi-cho-viet-nam>

⁸ Chương trình Ngàn Nhân tài bao gồm 3 cấu phần: 1) Chương trình Ngàn Nhân tài sáng tạo (dài hạn/ngắn hạn) dành cho các học giả Trung Quốc dưới 55 tuổi; 2) Chương trình Ngàn Nhân tài nước ngoài (dài hạn/ngắn hạn) dành cho người nước ngoài dưới 55 tuổi; 3) Chương trình Ngàn Nhân tài trẻ dành cho những người dưới 40 tuổi.

⁹ Giáo sư của Chương trình Ngàn Nhân tài được đánh giá là vinh dự học thuật cao nhất do Hội đồng Nhà nước trao tặng.

¹⁰ Xem: Phạm Anh Tuấn, Bùi Nhật Huy, *Chính sách phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ của Trung Quốc*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 7-2023, tr.57-67.